TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2020
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "có mặt"

- *Bị đơn*: Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hữu Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Uỷ ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 3/2/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhận do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh Q hay ghe tuông vô cớ chửi bới đánh đập chị, mặt khác anh Q mắc vào tệ nạn xã hội. Khi

mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ không còn hạnh phúc nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trần Hữu Q.

Về con chung: Chị và anh Trần Hữu Q có 02 con chung tên là Trần Phương T, sinh ngày 7/01/2008 và Trần Thị N, sinh ngày 01/2/2010. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con, trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2 triệu đồng, nay chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai thì anh Trần Hữu Q trình bày:

Chị Trần Thị T trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, khi mâu thuẫn vợ chồng anh nóng tính nên có tát chị T vài cái cuộc sống vợ chồng càng căng thẳng. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ, chị T quyết tâm xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng, nay ly hôn anh nhất trí để cho chị T được nuôi 02 con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyễn đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Hữu Q; Về con chung: giao chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Phương T, sinh ngày 7/01/2008 và Trần Thị N, sinh ngày 01/2/2010. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét điều chỉnh là phù hợp.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Hữu Q kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau chị T và anh Q chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay chị T và anh Quỳnh cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ. Xét thấy, mẫu thuẫn giữa chị T và anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh Q nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Hữu Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Hữu Q có 02 con chung tên là Trần Phương T, sinh ngày 7/01/2008 và Trần Thị N, sinh ngày 01/2/2010. Nay ly hôn chị T và anh Q thống nhất được việc nuôi con là chị T nhận nuôi cả 02 con, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cũng như nguyện vọng của hai con là xin được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, chị T và anh Q thống nhất được việc nuôi con nên sẽ giao cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Hữu Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Trần Phương T, sinh ngày 7/01/2008 và Trần Thị N, sinh ngày 01/2/2010. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001759 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Ngọc Long